

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-KĐCLGDTL ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 46/50 tiêu chí (chiếm 92%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện 11 nhóm giải pháp bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- GD TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Luật Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số **29** /NQ-HĐKĐCLGD ngày 21 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	5			
Tiêu chí 6.6	5			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,20	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	5			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	4	80,00
Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	3			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,20	5	100
Tiêu chí 11.1	5			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,04	46	92,00

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT KINH TẾ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số **29** /NQ-HĐKĐCLGD ngày 21 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế (CTĐT) của Trường Đại học Luật Hà Nội, giai đoạn 2017 - 2022 cho thấy những điểm mạnh sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết và được cập nhật trên cơ sở rà soát, tham khảo các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học ở trong và ngoài nước. Hệ thống đề cương chi tiết của các học phần được xây dựng thống nhất, cấu trúc hợp lý; được phổ biến dưới nhiều hình thức khác nhau và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Chương trình dạy học được thiết kế tương thích với các chuẩn đầu ra. Các học phần trong chương trình dạy học có quy định về điều kiện tiên quyết và có thời lượng tương đối hợp lý. Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố công khai, phản ánh đúng thể mạnh và phù hợp với sứ mạng của Trường. Giảng viên có nhiều sáng tạo trong tổ chức giảng dạy, được đa số sinh viên đánh giá cao. Nhà trường đã ban hành các quy định, văn bản hướng dẫn về quy trình thi, kiểm tra đánh giá từ tuyển sinh, quá trình học đến tốt nghiệp. Cách thức đánh giá phản ánh trong đề cương chi tiết học phần nhằm đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra. Hình thức đánh giá tương đối đa dạng và phù hợp với đặc thù của từng học phần. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên được quy hoạch, phát triển đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trường. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi đáp ứng quy định. Hệ thống đánh giá năng lực, quản trị theo kết quả công việc đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên khá đầy đủ, khách quan, công bằng theo KPIs. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên được thực hiện khá toàn diện, theo kế hoạch hàng năm và 5 năm, đạt kết quả cao, đội ngũ gia tăng về trình độ và nghiệp vụ. Chính sách tuyển sinh chính quy, được xác định rõ ràng, được công bố công khai, được rà soát, đánh giá, điều chỉnh hằng năm. Trường có đơn vị/cán bộ chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học; tư vấn học tập, hỗ trợ người học trong hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ giúp cải thiện kết quả học tập và việc làm cho người học. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng với trang thiết bị tốt, có hệ thống thư viện với nguồn học liệu đa dạng; có các phòng lab học ngoại ngữ, phòng thực hành tin học, phòng thực hành pháp luật, phòng diễn án đáp ứng tốt yêu cầu về thực hành của

CTĐT; đã ban hành quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn; giảng viên, nhân viên, người học hài lòng về môi trường, cảnh quan của Trường. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Hoạt động rà soát và đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, rõ ràng. Đội ngũ giảng viên có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; kết quả nghiên cứu khoa học được chuyển thành nội dung giảng dạy và học tập của người học. Cơ sở dữ liệu về sinh viên được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Tỷ lệ sinh viên thôi học thấp, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước hạn cao và thời gian tốt nghiệp trung bình thấp. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và làm việc phù hợp với ngành đào tạo khá cao. Sinh viên có nhiều giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Bộ và cấp Trường. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai và kết quả khảo sát đã được các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, chỉnh sửa mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể để phù hợp hơn với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường; rà soát, hoàn thiện chuẩn đầu ra theo hướng khái quát, cô đọng, đầy đủ theo quy định của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam nhưng đảm bảo rõ ràng hơn để có thể đo được định lượng; tinh giản, giảm số lượng chuẩn đầu ra của CTĐT; nâng cao năng lực đo lường đồng bộ và chuẩn xác chuẩn đầu ra cho giảng viên; thường xuyên tham khảo ý kiến của nhà sử dụng lao động để bổ sung, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của các vị trí việc làm.

2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết học phần; tập huấn cho giảng viên xây dựng ma trận về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và ma trận chuẩn đầu ra của các học phần trong mối liên hệ với chuẩn đầu ra của CTĐT; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần và CTĐT; tăng cường vai trò của các khoa chuyên môn trong việc chủ trì thực hiện CTĐT để bảo đảm tính chuyên sâu, nâng cao trách nhiệm của khoa chuyên môn.

3. Rà soát, bổ sung một số học phần giúp nâng cao năng lực của sinh viên về kỹ năng tổ tụng, kỹ năng tranh tụng và một số kỹ năng khác theo góp ý của nhà sử dụng lao động; rà soát, đánh giá chính xác hơn mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra; bổ sung đóng góp của các học phần tốt nghiệp vào chuẩn đầu ra của CTĐT; cấu trúc lại CTĐT phân thành các nhóm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành ở khối kiến

thức giáo dục chuyên nghiệp bảo đảm tương thích với các CTĐT khác; cải tiến công tác khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình dạy học.

4. Nghiên cứu, bổ sung vào triết lý giáo dục nội dung liên quan đến lòng yêu nghề và sự gắn bó với nghề cho sinh viên; tổ chức các buổi thảo luận/seminar chia sẻ và thống nhất trong giảng viên thực hiện CTĐT những quan điểm và cách tiếp cận chung trong phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tăng cường các hoạt động/bài tập thực hành, phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường và chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy hỗ trợ sinh viên tiếp thu kiến thức tốt hơn; xem xét xây dựng cơ chế cho sinh viên được lựa chọn giảng viên, nhất là giảng viên giảng dạy các môn thuộc khối kiến thức chuyên sâu (kiến thức ngành, chuyên ngành); triển khai lấy ý kiến phản hồi có tính chuyên sâu đối với hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá CTĐT ngành Luật Kinh tế.

5. Ban hành quy trình và thực hiện đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra của học phần và đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; rà soát, hoàn thiện Quy chế thi, trong đó bổ sung quy định về kiểm tra giám sát các khâu tổ chức thi, chấm thi và tăng cường nhiệm vụ cho Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí nhằm giúp cho công tác khảo thí được tập trung vào một đầu mối chung thống nhất và chuyên nghiệp; chỉ đạo các khoa, bộ môn đa dạng hóa các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá theo hướng tăng cường kiểm tra thực hành, vấn đáp; hoàn thiện quy trình đánh giá độ tin cậy, chính xác của phương pháp kiểm tra đánh giá và của đề thi; hoàn thiện phần mềm quản lý điểm, đổi mới phương thức quản trị phần mềm; yêu cầu các khoa, bộ môn thực hiện nghiêm túc việc công bố đáp án chấm thi sau các kỳ thi để đảm bảo tính minh bạch; có chế tài để đảm bảo giảng viên thực hiện nghiêm túc việc chấm thi và công bố điểm cho sinh viên; tăng cường phổ biến cho sinh viên biết về quy trình tổ chức thi và quy trình khiếu nại kết quả thi; tổ chức tổng kết và đánh giá về hiệu quả của từng hình thức đánh giá kết quả học tập và kiểm tra đánh giá trực tuyến.

6. Ban hành quy định, quy trình về việc tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý để phù hợp với thực tế của Trường; hoàn thiện bộ chỉ số đánh giá năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên; tăng cường các khoá đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn cho giảng viên, thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, hướng đến đạt được chuẩn đầu ra của học phần hoặc CTĐT; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chung về cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên trên phần mềm quản lý phục vụ cho công tác quản trị, quản lý, báo cáo, theo dõi chung trong toàn trường; có chính sách thu hút các nhà khoa học được đào tạo ở các nước tiên tiến, có chức danh giáo sư, phó giáo

sư về Trường; đầu tư nguồn lực để Khoa/bộ môn chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thực hiện các đề tài, dự án, có sản phẩm nghiên cứu khoa học được chuyển giao ứng dụng; xác định nhu cầu, tiềm lực và chiến lược phát triển để xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh.

7. Phân tích sâu nhu cầu về đội ngũ nhân viên của các phòng chức năng và xác định tường minh hơn về quy hoạch đội ngũ nhân viên theo lĩnh vực cụ thể; xây dựng chính sách ưu đãi phù hợp với nhân viên trong mối tương quan với giảng viên; có các tiêu chí đánh giá nhân viên liên quan đến công tác phục vụ cộng đồng; cân nhắc việc chuyên nghiệp hóa công tác hỗ trợ các hoạt động tại các đơn vị theo hướng đa nhiệm, hiệu quả, trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đánh giá về năng lực cũng như chất lượng hoạt động của đội ngũ nhân viên để chuyên nghiệp và liên tục nâng cao chất lượng.

8. Khảo sát các bên liên quan ngoài Trường như doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các trường trung học phổ thông và thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau để phát huy hiệu quả của công tác tuyển sinh; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo hiện đại và đa năng hơn để hỗ trợ tốt hơn cho công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học; tăng cường phối hợp giữa các đơn vị để xây dựng kế hoạch thống nhất trong việc hỗ trợ người học về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm, hoạt động thi đua và các hỗ trợ khác, giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học; phân tích, đánh giá kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan liên quan về môi trường tâm lý, xã hội cảnh quan của Trường theo từng CTĐT/khóa đào tạo để đối sánh, có kế hoạch cải tiến cụ thể và nâng cao chất lượng hoạt động.

9. Ban hành quy định và định kỳ khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng làm việc và các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học để không ngừng nâng cao chất lượng; tăng số lượng tài liệu số và đầu tư cung cấp dịch vụ truy cập tài liệu số cho người đọc qua thiết bị di động; quan tâm hơn đến tiến độ chuyển đổi số trong Trường; định kỳ khảo sát mức độ đáp ứng và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của các phòng thực hành; đầu tư nâng cấp hệ thống mạng wifi và mạng nội bộ thông suốt; đầu tư xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến để phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học; nâng cấp các hệ thống phần mềm quản lý theo hướng tập trung và liên thông dữ liệu, hỗ trợ lãnh đạo trong công tác quản lý và điều hành tương thích với xu hướng chuyển đổi số; ban hành quy định và triển khai thiết kế các công trình hỗ trợ người khuyết tật ở các khu vực công cộng.

10. Xây dựng, ban hành quy định về quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến các văn bản quản lý, điều hành các hoạt động của Trường nói chung và quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học nói riêng; cải tiến hoạt động quản lý đào tạo, phân cấp cho các khoa trực tiếp quản lý về chuyên môn đối với

các CTĐT; định kỳ rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học và cơ chế phản hồi của các bên liên quan; thường xuyên rà soát, đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học; thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học; đánh giá mức độ hài lòng của người học về đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT; có chính sách khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của CTĐT, nâng cao số lượng và chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học; thường xuyên đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục của Nhà trường; ban hành quy định rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan; thu thập, đánh giá đầy đủ thông tin phản hồi của các bên liên quan bên trong và bên ngoài Trường để nâng cao chất lượng đào tạo.

11. Ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác quản lý, đối sánh dữ liệu về người học và quy định tổng thể về công tác khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; đổi mới cơ chế quản lý, chính sách để đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên; nâng cao chất lượng đối sánh về kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên với sinh viên cùng CTĐT của các trường đại học khác; quan tâm hơn đến chất lượng khảo sát việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp như quy trình, bộ công cụ, độ tin cậy của kết quả khảo sát theo từng CTĐT và sử dụng kết quả khảo sát để nâng cao chất lượng đào tạo.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Luật Kinh tế. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.